

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGÔ THỊ NỤ

**VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CÁ NHÂN
CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN
HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG
VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ**

Mã số: 62 22 03 02

HÀ NỘI - 2018

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Trần Văn Phòng

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 2018

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia và
Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Con người là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau, trong đó có triết học. Nghiên cứu con người càng trở nên quan trọng, vì con người là chủ thể của mọi sự sáng tạo giá trị vật chất, tinh thần và là trọng tâm trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc.

Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn coi con người là trung tâm của mọi chính sách kinh tế - xã hội. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, nguồn lực con người được xem là yếu tố quyết định so với các nguồn lực khác, nguồn lực con người vừa là phương tiện, vừa là mục tiêu của sự phát triển. Do đó, vấn đề đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong đó có việc phát triển năng lực cá nhân con người là vấn đề quan trọng, không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế mà còn là cơ sở, điều kiện bảo đảm cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Trong điều kiện hội nhập quốc tế chúng ta có nhiều cơ hội mới, nhưng cũng có không ít những thách thức và những yêu cầu mới đối với sự phát triển con người. Hội nhập quốc tế làm cho nền kinh tế Việt Nam phát triển năng động, nhưng cũng làm cho thị trường lao động mang tính quốc tế hóa rất cao; chuyên môn của người lao động cũng được nâng lên; tính phức tạp và yêu cầu của công việc càng cao; mức độ cạnh tranh ở thị trường lao động, môi trường làm việc ngày càng gay gắt hơn; môi trường xã hội ngày càng phức tạp,... đòi hỏi năng lực cá nhân con người Việt Nam phải được phát triển. Điều đó càng đòi hỏi mỗi cá nhân con người Việt Nam phải có năng lực toàn diện mới có thể đáp ứng được yêu cầu. Đó không chỉ là năng lực trí tuệ, năng lực chuyên môn, mà còn là năng lực tư duy, năng lực thích ứng, năng lực sáng tạo, năng lực tự học, năng lực hòa nhập trong cộng đồng đa văn hóa, v.v.. Do đó, ngày nay, phát triển toàn diện con người cũng có nghĩa là phải chú trọng đến phát triển toàn diện năng lực của từng cá nhân con người. Phát triển năng lực con người Việt Nam hiện nay vừa phải đáp ứng yêu cầu của thời đại vừa phải phù hợp với các định hướng giá trị xã hội và khả năng thực tế của con người Việt Nam...

Sự chuyển biến vô cùng mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, của kinh tế tri thức, cùng với những biến đổi thuận, nghịch của nền kinh tế thị trường, của hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa đã làm biến chuyển mạnh mẽ những điều kiện kinh tế - xã hội, kéo sự biến chuyển trong năng lực cá nhân con người Việt Nam theo cả chiều hướng tích cực lẫn tiêu cực. Trước yêu cầu ngày càng cao của thời kỳ hội nhập quốc tế, năng lực của cá nhân con người Việt Nam

nhìn chung vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng. Điều đó đặt ra yêu cầu phải xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trong đó có phát triển toàn diện năng lực cá nhân con người Việt Nam đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế.

Không những thế, ở nước ta hiện nay, quan niệm về phát triển năng lực cá nhân con người thường được hiểu ở phạm vi hẹp như phát triển năng lực chuyên môn nghề nghiệp và những năng lực bẩm sinh sẵn có. Còn một số những năng lực như năng lực thích nghi, năng lực làm việc và hòa nhập trong cộng đồng đa văn hóa, năng lực sáng tạo... ít được đề cập. Vì vậy, vấn đề phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam cũng chưa được chú trọng đúng mức. Điều này đặt ra yêu cầu cần phải có sự nghiên cứu lý luận về phát triển năng lực cá nhân, vai trò của những năng lực cá nhân này trong điều kiện hội nhập để có những giải pháp phát triển thích hợp. Từ những lý do trên cho thấy, việc nghiên cứu **“Vấn đề phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay”** là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp bách.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục tiêu của luận án

Trên cơ sở làm rõ lý luận về phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam và phân tích thực trạng phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam hiện nay, đề xuất một số quan điểm và giải pháp chủ yếu nhằm phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Nhiệm vụ của luận án

Để thực hiện mục tiêu trên, luận án sẽ giải quyết một số nhiệm vụ sau:

- + Tổng quan các công trình khoa học tiêu biểu liên quan phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế.
- + Phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận về phát triển năng lực cá nhân; thực chất của việc phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam; yêu cầu của hội nhập quốc tế đối với phát triển các năng lực cá nhân con người Việt Nam.
- + Phân tích thực trạng phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam hiện nay và chỉ rõ một số vấn đề đặt ra từ thực trạng này.
- + Đề xuất một số quan điểm và giải pháp cơ bản nhằm phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam nói chung. Khi xem xét năng lực cá nhân, tác giả luận án giới hạn đối tượng là những cá nhân con người đã trưởng thành, trong độ tuổi lao động (từ 15 tuổi trở lên) và kể cả những người hết tuổi lao động nhưng vẫn còn đủ sức khỏe và năng lực để cống hiến cho xã hội.

Trong khuôn khổ luận án chỉ nghiên cứu việc phát triển một số năng lực cụ thể phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế. (Phát triển nhóm năng lực nhận thức

mà biểu hiện tập trung ở năng lực trí tuệ trong điều kiện hội nhập quốc tế; phát triển nhóm năng lực hoạt động thực tiễn biểu hiện rõ nét ở phát triển năng lực làm việc và phát triển năng lực sống trong điều kiện hội nhập quốc tế).

- **Phạm vi nghiên cứu:** Năng lực cá nhân con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay. Về thời gian: từ bắt đầu đổi mới 1986, đặc biệt là từ sau khi Việt Nam gia nhập WTO 2007 đến nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

- **Cơ sở lý luận:** đề tài dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước Việt Nam về con người và phát triển con người. Đề tài tiếp thu, kế thừa có chọn lọc những giá trị khoa học của các công trình nghiên cứu đã công bố liên quan đến nội dung của đề tài.

- **Phương pháp nghiên cứu:** sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; kết hợp với các phương pháp: phân tích và tổng hợp, qui nạp và diễn dịch, đối chiếu, so sánh... để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ mà đề tài đặt ra.

5. Đóng góp mới của luận án

- Góp phần làm sáng tỏ những khái niệm cơ bản như: năng lực cá nhân, phát triển năng lực cá nhân con người, tác động và yêu cầu của hội nhập quốc tế đối với việc phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam.

- Phân tích chỉ ra được mặt tích cực và những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết trong việc phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế trong thời gian qua.

- Đề xuất được một số quan điểm và giải pháp có tính khả thi, phù hợp thực tiễn nhằm phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

- **Về mặt lý luận,** ở một mức độ nhất định, đề tài có thể làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy một số chuyên đề triết học về con người và phát triển con người; đồng thời, làm cơ sở phương pháp luận cho việc đi sâu nghiên cứu năng lực con người.

- **Về mặt thực tiễn,** đề tài cũng có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc xây dựng, hoạch định chiến lược phát triển con người, phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam nói chung và ở các tỉnh, thành phố nói riêng.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình đã công bố của tác giả liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CÁ NHÂN CON NGƯỜI VIỆT NAM

1.1.1. Các công trình liên quan đến năng lực, năng lực cá nhân, phát triển năng lực cá nhân và thực chất của phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam

Cho đến nay đã có nhiều công trình ở trong nước và nước ngoài nghiên cứu về năng lực. Ở mỗi một góc độ, quan niệm về năng lực, phát triển năng lực được tiếp cận ở nhiều chiều cạnh khác nhau từ tâm lý học, xã hội học, kinh tế học, giáo dục học...

Đối với các nghiên cứu nước ngoài, khái niệm năng lực và phát triển năng lực được các nhà nghiên cứu luận giải ở các góc nhìn khác nhau. Có thể kể đến Amartya Sen là người đầu tiên đưa ra cách tiếp cận năng lực (Capability Approach) trong nhiều công trình nghiên cứu của mình như: “*Equality of what?*” (1980), “*The Standard of Living*” (1987), “*Development as Freedom*” (1999),...; Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc UNDP với “*Capacity development practice note*” (2008); Tác giả Joe Bolger với “*Capacity Development: Why, What and How?*” (2000); Charles Lusthaus, Marie-hélène Adrien, Mark Perstinger với “*Capacity development: definitions, issues and implications for planning, monitoring and evaluation*” (1999);... Nhìn chung, đã có rất nhiều nghiên cứu của các học giả nước ngoài đề cập tới vấn đề năng lực và phát triển năng lực. Tuy nhiên, những nghiên cứu này chủ yếu đề cập tới khía cạnh năng lực và phát triển năng lực cho tổ chức, tập thể, hoặc sử dụng chung khái niệm năng lực và phát triển năng lực cho cả cá nhân và tổ chức. Số công trình có nghiên cứu về năng lực cá nhân và phát triển năng lực cá nhân còn khiêm tốn.

Đối với những nghiên cứu trong nước, năng lực và phát triển năng lực cũng được xem xét từ nhiều góc độ khác nhau với nhiều công trình nghiên cứu trên sách, tạp chí, đề tài nghiên cứu, luận văn, luận án... Dưới góc độ tâm lý học, có thể kể đến tác giả Phạm Minh Hạc với cuốn sách “*Một số vấn đề Tâm lý học*” (1992); Tác giả Nguyễn Ngọc Bích trong “*Tâm lý học nhân cách - Một số vấn đề lý luận*” (1998);... Dưới góc độ giáo dục học, có thể kể đến tác giả Bùi Thị Hương với bài “*Kích thích năng lực tư duy người học*” (2007); Nguyễn Văn Tuấn với chuyên đề bồi dưỡng sư phạm “*Tài liệu học tập về phương pháp dạy học theo hướng tích hợp*” (2010);... Dưới góc độ triết học, năng lực, phát triển năng lực lại được coi như một mặt, một yếu tố trong phát triển con người; một yếu tố cấu thành nên

phẩm chất hay nhân cách của con người. Chẳng hạn, tác giả Hồ Sĩ Quý với “*Con người và phát triển con người*” (2007)... Bên cạnh đó, còn có rất nhiều các công trình nghiên cứu vấn đề phát triển các loại năng lực khác nhau như năng lực trí tuệ, năng lực tư duy, năng lực sáng tạo, năng lực lãnh đạo, quản lý, năng lực kinh doanh, năng lực tổng kết thực tiễn... cho các đối tượng khác nhau như đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, đội ngũ sĩ quan, sinh viên, học viên... Có thể kể đến một số bài viết như: bài viết “*Triết học và năng lực tư duy của con người trong kỷ nguyên toàn cầu*” (2007) của tác giả Lương Đình Hải; đề tài cấp Bộ “*Nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn của đội ngũ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng*” (2007) do Trần Văn Phòng làm chủ nhiệm; Lê Quý Trinh với “*Phát triển năng lực trí tuệ của sĩ quan trẻ trong quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*” (2002); tác giả Hoàng Thúc Lân với cuốn sách “*Phát triển năng lực tư duy biện chứng cho sinh viên Việt Nam hiện nay*” (2014)...

Có thể nói, đã có rất nhiều các công trình đề cập đến khái niệm năng lực và phát triển năng lực ở trong và ngoài nước, với rất nhiều các khía cạnh nghiên cứu khác nhau. Các công trình này đã cung cấp cho tác giả luận án những cơ sở lý luận chung nhất về khái niệm năng lực và phát triển năng lực. Tuy nhiên, các quan niệm này lại chủ yếu được xem xét từ góc độ tâm lý học, giáo dục học, số các công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề năng lực và phát triển năng lực dưới góc độ triết học lại chủ yếu nghiên cứu một năng lực cụ thể cho một đối tượng cụ thể. Việc nghiên cứu vấn đề phát triển năng lực cá nhân con người một cách chung nhất về các nội dung như khái niệm năng lực cá nhân và phát triển năng lực cá nhân, thực chất của việc phát triển năng lực cá nhân, đặc biệt, việc nghiên cứu vấn đề phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam về mặt lý luận, dưới góc độ triết học vẫn còn là một mảng trống cần được tiếp tục nghiên cứu.

1.1.2. Các công trình liên quan đến hội nhập quốc tế, tác động và yêu cầu của hội nhập quốc tế đối với phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam

Cho đến nay, đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu có đề cập tới hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, luận án chỉ xem xét các tài liệu có liên quan đến hội nhập quốc tế với những tác động và yêu cầu của hội nhập quốc tế đối với vấn đề phát triển con người, nhất là phát triển năng lực cá nhân con người hiện nay. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như: Bài viết “*Những đòi hỏi về phẩm chất-năng lực giảng viên trong không gian giáo dục hội nhập*” (2009) của Nguyễn Văn Đệ; sách “*Tính tích cực chính trị của công dân Việt Nam trong xu thế hội nhập quốc tế*” (2013) của Nguyễn Thị Kim Hoa; “*Giáo dục, đào tạo với*

việc phát triển con người Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay” (2013) của Bùi Thị Phương Thùy; bài viết “*Một số yêu cầu đối với nguồn nhân lực Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập Asean 2015*” (2014) của Lê Trường Giang, Ngô Văn Nam và Đặng Thìn Hùng;... Đây là những tham khảo cho tác giả trong nghiên cứu và luận giải về hội nhập quốc tế, những tác động và yêu cầu của hội nhập quốc tế đến sự phát triển năng lực cá nhân con người.

Qua khảo sát, có thể thấy, đã có một số công trình đề cập đến những tác động và yêu cầu của hội nhập quốc tế đối với việc phát triển con người Việt Nam, hay phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trên một số mặt, một số lĩnh vực nhất định. Cho đến nay, số các công trình liên quan đến những tác động và yêu cầu của hội nhập quốc tế đối với việc phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam vẫn còn chưa nhiều.

1.2. CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CÁ NHÂN CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY

Cho đến nay, ở nước ta đã có những công trình nghiên cứu liên quan đến thực trạng phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam, song, hầu hết được đề cập đến trong các công trình về phát triển con người Việt Nam, hay về nguồn nhân lực Việt Nam. Số các công trình liên quan đến phát triển năng lực con người Việt Nam hiện nay thì chỉ đề cập đến phát triển một vài năng lực nhất định cho một vài đối tượng cụ thể. Chẳng hạn, nói về thực trạng năng lực của phóng viên, báo chí, công chức, học sinh sinh viên..., có thể kể đến: “*Nâng cao năng lực và phẩm chất của phóng viên báo chí trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*” (2002) của Hà Đăng; “*Tiêu chuẩn công chức và vấn đề năng lực trong quá trình tiếp tục cải cách công vụ, công chức*” (2009) của Trần Anh Tuấn; “*Yêu cầu của nhà tuyển dụng về những kỹ năng cơ bản dưới góc nhìn của sinh viên tốt nghiệp ngành khoa học xã hội và nhân văn*” (2015) của Nguyễn Thị Lan và Mai Linh...

Nói về phát triển năng lực con người Việt Nam ở một số năng lực nhất định trong các nghiên cứu về nhân lực, con người có thể kể đến: “*Xây dựng và phát huy nguồn lực trí tuệ Việt Nam phục vụ sự nghiệp chấn hưng đất nước*” (2010) của Nguyễn Văn Khánh; “*Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*” (2012) của Vũ Văn Phúc và Nguyễn Duy Hùng; “*Chất lượng lao động trình độ cao ở Việt Nam: những hạn chế cơ bản*” (2015) của tác giả Nguyễn Bá Ngọc và Đặng Đỗ Quyên; “*Năng suất lao động ở Việt Nam - từ góc nhìn cơ cấu lao động và kỹ năng*” (2014) của tác

giả Nguyễn Bá Ngọc và Phạm Minh Thu... Ngoài ra, các số liệu điều tra của Tổng cục thống kê như: “*Báo cáo điều tra lao động và việc làm*” năm 2014, 2015, quý 4 năm 2016; “*Niên giám thống kê*” năm 2014, 2015; “*Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam*”, số 8, quý 4/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Tổng cục thống kê; hay, “*Bản tin ILO*” số 9, tháng 9/2014 của Văn phòng ILO (Tổ chức lao động quốc tế) Việt Nam;... đã cung cấp những số liệu quan trọng và cái nhìn tổng thể cho tác giả luận án đánh giá thực trạng phát triển năng lực trí tuệ, năng lực làm việc, năng lực tư duy sáng tạo... của con người Việt Nam hiện nay.

Qua đó, có thể thấy, số công trình liên quan đến đến thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với việc phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam, nhất là trong điều kiện hội nhập quốc tế còn khá khiêm tốn, được đề cập rải rác trong những công trình nghiên cứu khác nhau. Do đó, vấn đề đặt ra từ thực trạng phát triển năng lực con người Việt Nam trong hội nhập quốc tế còn là một vấn đề mới. Hầu như chưa có một công trình nào cung cấp một cách tổng thể những vấn đề liên quan đến thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với việc phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu trên, ở một khía cạnh nhất định, đã cung cấp cho tác giả luận án những cơ sở, căn cứ, số liệu cụ thể cũng như gợi mở cách tiếp cận để luận giải những vấn đề liên quan đến thực trạng phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam. Nhiều công trình, nhiều nghiên cứu tuy không còn mới, nhưng cũng giúp tác giả luận án có thêm cái nhìn tổng thể để có được những đánh giá đúng đắn về những vấn đề nghiên cứu.

1.3. CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CÁ NHÂN CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY

Qua tổng quan các công trình, có thể thấy, đã có những nghiên cứu liên quan và đề cập đến quan điểm và giải pháp chủ yếu nhằm phát triển một số năng lực nhất định cho con người Việt Nam từ nhiều góc độ khác nhau. Có thể kể đến một số công trình: “*Phát huy năng lực sáng tạo, xây dựng hệ thống đổi mới quốc gia để hội nhập vào xu thế phát triển kinh tế tri thức toàn cầu*” (2006) của tác giả Đặng Hữu; “*Kích thích năng lực tư duy cho người học*” (2007) của Bùi Thị Hương; “*Tiêu chuẩn công chức và vấn đề năng lực trong quá trình tiếp tục cải cách công vụ, công chức*” (2009) của Trần Anh Tuấn; “*Chất lượng lao động trình độ cao ở Việt Nam: những hạn chế cơ bản*” (2015) của Nguyễn Bá Ngọc và Đặng Đỗ Quyên; “*Một số giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam nhằm đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động khi hội nhập*

AEC” của Lê Thu Huyền và Nguyễn Thị Hồng Hạnh... Ngoài ra, trong một số công trình khác cũng đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, phát triển con người Việt Nam hiện đại một cách toàn diện... Đây là những quan điểm định hướng và giải pháp khá cụ thể, gợi mở cho tác giả luận án một số ý tưởng trong việc đưa ra hệ thống những giải pháp phù hợp cho vấn đề của luận án.

Có thể khẳng định, trong những nghiên cứu trên đây chưa có công trình nào đề xuất một hệ thống toàn diện các quan điểm và giải pháp nhằm phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế. Song, từ những lát cắt và những góc độ khác nhau, phần nào các công trình này đã đưa ra được một số quan điểm, giải pháp cụ thể nhằm phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam ở một số năng lực cụ thể. Đây chính là những gợi mở cho tác giả luận án trong xây dựng hệ thống một số quan điểm và giải pháp về phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.

1.4. GIÁ TRỊ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU, LÀM SÁNG TỎ THÊM

Giá trị của các công trình nghiên cứu đã tổng quan dưới góc độ tiếp cận của đề tài luận án

Các công trình nghiên cứu nêu trên có những giá trị mà trong quá trình nghiên cứu tác giả luận án có thể tham khảo và kế thừa, cụ thể:

Một là, các công trình nghiên cứu đã làm sáng tỏ trên nhiều phương diện về khái niệm con người, cá nhân; khái niệm phát triển con người, phát triển cá nhân; khái niệm năng lực, phát triển năng lực... Trong các công trình này, hầu hết các tác giả đã phân tích chỉ rõ những yêu cầu và tầm quan trọng của việc phát triển con người; hay phát triển năng lực cho một số đối tượng cá nhân cụ thể, trên một vài năng lực cụ thể của con người; cung cấp một số quan niệm về hội nhập quốc tế và tính tất yếu, sự tác động của hội nhập quốc tế đến đời sống kinh tế - xã hội cũng như con người... Những kết quả nghiên cứu đó ít nhiều cung cấp cho tác giả những cơ sở lý luận về con người và sự phát triển con người, sự phát triển toàn diện của cá nhân con người; về sự phát triển năng lực cụ thể cho cá nhân con người; về khái niệm hội nhập quốc tế và tác động của hội nhập quốc tế đến phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam. Thông qua đó, tác giả có những căn cứ để luận chứng cho những vấn đề lý luận của mình trong đề tài, nhất là vấn đề về sự phát triển toàn diện năng lực cá nhân con người.

Hai là, thông qua các nghiên cứu trên, các tác giả đã phân tích thực trạng, chỉ ra mặt tích cực và hạn chế của việc phát triển con người, phát triển cá nhân; hay phát triển năng lực con người trong từng năng lực cụ thể (như năng lực sáng tạo, năng lực tổ chức thực tiễn, năng lực thích ứng nghề, năng lực tư duy...), cho một số đối tượng cụ thể (như học sinh, sinh viên, cán bộ lãnh đạo quản lý...). Đồng thời, chỉ ra một số vấn đề đặt ra và những nguyên nhân cơ bản của những hạn chế, yếu kém trong xây dựng, phát triển con người và phát triển một số năng lực cụ thể cho con người Việt Nam ở một số đối tượng nhất định trong quá trình đổi mới, đáp ứng yêu cầu của quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế.

Qua đó, tác giả luận án có thể kế thừa ở mức độ nhất định việc phân tích thực trạng của việc phát triển một số năng lực cụ thể cho những đối tượng cụ thể của con người Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả luận án có một số căn cứ để phân tích, khái quát vấn đề thực trạng phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam nói chung trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Ba là, các công trình nghiên cứu cũng đã bước đầu làm rõ quan điểm của Đảng, Nhà nước ta đối với việc xây dựng và phát triển con người Việt Nam hay phát triển một số năng lực cụ thể của con người. Từ đó đã đưa ra một số quan điểm cơ bản, giải pháp chủ yếu nhằm phát triển con người hay phát triển một số năng lực cụ thể cho các đối tượng nhất định nhằm đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế. Đây là những cơ sở giúp đề tài luận án khái quát, tìm ra những quan điểm và giải pháp cụ thể, phù hợp cho vấn đề mà luận án cần giải quyết.

Bên cạnh những giá trị nhất định về mặt khoa học của các công trình nghiên cứu nêu trên đối với đề tài luận án, dưới góc độ nghiên cứu của đề tài luận án thì còn một số vấn đề mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ.

Một số vấn đề mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ.

Những kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học trên có giá trị và ý nghĩa gợi mở, định hướng cho tác giả luận án một số vấn đề khoa học cần được nghiên cứu, làm sáng rõ trong điều kiện hiện nay. Một số công trình đã góp phần cung cấp cho luận án những căn cứ khoa học để khái quát, vận dụng, nghiên cứu, luận giải vấn đề cần giải quyết trong đề tài luận án. Tuy nhiên, vấn đề phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế dưới góc độ triết học một cách hệ thống vẫn là một khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu. Hướng nghiên cứu của đề tài luận án sẽ tập trung giải quyết một số vấn đề sau:

Một là, nghiên cứu làm rõ mặt lý luận về năng lực, phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam và một số vấn đề lý luận về hội nhập quốc tế. Đặc biệt,

chỉ ra những tác động và yêu cầu của hội nhập quốc tế đối với việc phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam.

Hai là, nghiên cứu làm rõ mặt thực tiễn của việc phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế. Nghĩa là phân tích thực trạng, chỉ ra những thành tựu đạt được và hạn chế trong việc phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế những năm qua. Từ đó, chỉ ra nguyên nhân của hạn chế và một số vấn đề đặt ra từ thực trạng này.

Ba là, đề xuất một số quan điểm và các nhóm giải pháp cơ bản có tính thực tiễn, khả thi, phù hợp điều kiện Việt Nam nhằm phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Đây là những vấn đề có ý nghĩa thực tiễn cấp bách, cần phải tiếp tục nghiên cứu cụ thể, đề ra những giải pháp đúng đắn nhằm phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam đáp ứng được yêu cầu của hội nhập quốc tế - một đòi hỏi cấp thiết từ tình hình thực tiễn của đất nước. Thực hiện đề tài luận án chính là góp phần vào nhiệm vụ trên.

Chương 2

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CÁ NHÂN CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CÁ NHÂN CON NGƯỜI VIỆT NAM - KHÁI NIỆM, THỰC CHẤT VÀ NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG

2.1.1. Khái niệm năng lực cá nhân

Để hiểu khái niệm năng lực cá nhân, trước hết cần tìm hiểu khái niệm năng lực. Kế thừa yếu tố hợp lý trong các quan điểm trước đây, theo tác giả, *năng lực là tổng hợp các thuộc tính riêng có của chủ thể tạo thành khả năng đáp ứng những yêu cầu của hoạt động và bảo đảm cho hoạt động đó đạt kết quả tối ưu.*

Năng lực mang dấu ấn cá nhân rất rõ nét, thể hiện tính chủ quan trong hành động, được hình thành theo quy luật hình thành và phát triển nhân cách. Do đó, năng lực là một trong những yếu tố để đánh giá sự khác biệt của cá nhân người này khác cá nhân người kia liên quan đến hiệu quả thực hiện một hoạt động nào đó, chứ không phải bất kỳ những sự khác nhau cá biệt chung chung nào. Năng lực luôn gắn với một hoạt động nhất định và kết quả của hoạt động ấy là cơ sở để đánh giá năng lực của cá nhân trong hoạt động. Có thể hiểu, *năng lực cá nhân là tổng hợp những thuộc tính riêng có, tương đối ổn định của cá nhân tạo thành khả năng đáp ứng yêu cầu hoạt động nào đó, bảo đảm cho hoạt động đó đạt kết quả tối ưu nhất.*

Tùy theo mỗi góc độ nghiên cứu, năng lực được phân chia thành những loại khác nhau. Mỗi cách phân chia đều có tính hợp lý và tính tương đối nhất định tùy theo từng góc độ tiếp cận. Trên cơ sở quan điểm của triết học Mác - Lênin, xuất phát từ *hai lĩnh vực hoạt động cơ bản* của con người là hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn, chúng tôi xem xét năng lực của con người dưới hai lát cắt là nhóm năng lực nhận thức và nhóm năng lực hoạt động thực tiễn. Nhóm năng lực nhận thức của con người biểu hiện tập trung ở năng lực trí tuệ. Nhóm năng lực hoạt động thực tiễn biểu hiện rõ nét ở năng lực làm việc và năng lực sống.

2.1.2. Thực chất của phát triển năng lực cá nhân và phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam.

Kế thừa các quan niệm về phát triển năng lực và phát triển năng lực cá nhân, có thể hiểu, phát triển năng lực cá nhân là quá trình xây dựng, trang bị, hoàn thiện, duy trì và phát huy hơn nữa một hoặc nhiều khả năng của mỗi cá nhân nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động và đảm bảo cho cá nhân đạt hiệu quả cao trong một hoặc nhiều hoạt động cụ thể. Tuy nhiên, phát triển năng lực cá nhân ở đây không phải là sự phát triển năng lực từ đầu, từ không có gì, mà là sự phát triển năng lực trên cơ sở những tố chất sẵn có của con người. Do đó, chủ thể phát triển năng lực cá nhân không chỉ là các tác nhân từ bên ngoài (các tổ chức Đảng, đoàn thể, nhà nước, nhà trường, gia đình...) mà còn là yếu tố nội sinh từ bên trong - mỗi cá nhân với tư cách là chủ thể tích cực, sáng tạo. Trong quá trình này, các cá nhân tự phát triển năng lực của mình là quan trọng nhất. Khái quát lại, theo chúng tôi, *phát triển năng lực cá nhân con người là quá trình tích cực, chủ động, sáng tạo của các chủ thể làm chuyển hóa về chất các năng lực, làm cho năng lực của mỗi cá nhân chuyển từ trình độ thấp lên cao, từ chưa phù hợp đến phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn nhằm giúp mỗi cá nhân đạt kết quả tối ưu nhất trong các hoạt động của mình.*

Tuy là những năng lực bản chất người, song, ở mỗi thời đại nhất định thì yêu cầu phát triển mỗi nhóm năng lực lại không như nhau. Mỗi một thời đại lại đặt ra những yêu cầu mới, đòi hỏi năng lực con người phải luôn được trau dồi, bổ sung và hoàn thiện mới có thể đáp ứng được. Ở Việt Nam hiện nay, phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam chính là làm phát triển các năng lực con người Việt Nam cho phù hợp với những yêu cầu của thực tiễn trên các khía cạnh chủ yếu như năng lực nhận thức và năng lực hoạt động thực tiễn:

(1) Phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam từ khía cạnh năng lực nhận thức (là nhóm năng lực trên cơ sở những kiến thức, tư duy của con người)

là làm gia tăng khả năng hoạt động của trí tuệ con người Việt Nam trong việc tìm kiếm, khám phá, tích lũy tri thức và vận dụng tri thức vào giải quyết những nhiệm vụ do cuộc sống đặt ra, đảm bảo cho hoạt động của con người đạt chất lượng và hiệu quả cao. Nhóm năng lực này bao gồm: tri thức, phương pháp tư duy, năng lực sáng tạo, năng lực tư duy độc lập, năng lực xử lý thông tin...

(2) Phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam từ khía cạnh năng lực hoạt động thực tiễn (là nhóm năng lực dựa trên cơ sở các kỹ năng, kỹ xảo, khả năng ứng dụng, thực hành của con người) là nâng cao khả năng hoạt động trong công việc của con người Việt Nam, bảo đảm cho công việc của họ đạt chất lượng và hiệu quả cao nhất (hay còn gọi là phát triển năng lực làm việc). Đồng thời, nâng cao khả năng có hành vi thích ứng và tích cực giúp cá nhân giải quyết có hiệu quả với những đòi hỏi và thách thức của cuộc sống hàng ngày (hay còn gọi là phát triển năng lực sống). Nhóm năng lực này bao gồm: trình độ chuyên môn, năng lực ứng dụng, năng lực xử lý công việc, năng lực làm việc nhóm, kỹ năng sống, năng lực giao tiếp, năng lực thích ứng, năng lực hòa nhập...

Có nhiều phương thức để phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam. Đó là phát triển qua giáo dục, đào tạo (thông qua nhà trường, xã hội, gia đình) và qua tự giáo dục, đào tạo (các cá nhân tự học, tự phát triển, tự rèn luyện), v.v..

2.1.3. Những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam

Một là, yếu tố bẩm sinh, tư chất sinh học. Có thể nói, yếu tố bẩm sinh, tư chất sinh học là điều kiện, tiền đề tự nhiên của năng lực cá nhân con người. Yếu tố bẩm sinh, tư chất sinh học là những đặc điểm riêng có của cá nhân về giải phẫu sinh lý, cấu tạo và hoạt động của hệ thần kinh trung ương của mỗi người. Không có sự ngang bằng nhau về tư chất, về yếu tố sinh học ở mỗi con người, và do đó, quy định sự khác nhau về năng lực của mỗi người. Đối với con người Việt Nam hiện nay, việc xác định những yếu tố bẩm sinh, tư chất sinh học nào có tác động tích cực cũng như tiêu cực tới việc phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam; đồng thời, xác định tư chất, yếu tố bẩm sinh của mỗi người là khác nhau để có những giải pháp thích hợp nhằm phát triển tài năng, năng khiếu cá nhân là rất cần thiết.

Hai là, điều kiện kinh tế - xã hội, môi trường sống của con người. Sự phát triển năng lực cá nhân mỗi người phụ thuộc vào điều kiện sống, vào sự phát triển nền kinh tế dựa trên cơ sở phương thức sản xuất và điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội. Khi nền kinh tế phát triển, khoa học công nghệ hiện đại, điều kiện sống, điều kiện sinh hoạt của con người được đảm bảo, các điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật được đầu tư, con người có điều kiện học tập, nghiên cứu, nâng cao

trình độ, phát triển năng lực cho bản thân. Ngược lại, một nền kinh tế kém phát triển, sản xuất nghèo nàn, quan hệ sản xuất lạc hậu, đời sống con người khó khăn, cơ sở vật chất, điều kiện học tập thiếu thốn... sẽ kìm hãm sự phát triển năng lực của con người. Mặt khác, cùng với việc xuất hiện những phương thức mới của đời sống vật chất và tinh thần của xã hội thì những nhu cầu về việc phát triển năng lực con người cũng xuất hiện, đòi hỏi con người phải có những năng lực tương ứng, phù hợp để đáp ứng với trình độ phát triển của khoa học công nghệ và của sản xuất...

Ba là, lối sống, phong cách tư duy, đặc điểm con người truyền thống. Ở mỗi một giai đoạn lịch sử, con người có những đặc điểm riêng nhất định về phẩm chất, tâm lý xã hội, v.v.. Tuy nhiên, tính di truyền sinh học và kế thừa xã hội của con người đã giúp con người hình thành nên những đặc điểm chung về phẩm chất, tâm lý xã hội cho con người ở mỗi dân tộc, mỗi thời đại. Những đặc điểm này có tính ổn định và được kế thừa từ đời này qua đời khác. Tuy đối với mỗi cá nhân khác nhau thì mức độ ảnh hưởng của những đặc trưng về phẩm chất, tâm lý xã hội này đến phát triển năng lực cá nhân là không như nhau. Nhưng, ở một mức độ nào đó, những yếu tố đó có ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển năng lực cá nhân mỗi người.

Bốn là, giáo dục, đào tạo. Giáo dục, đào tạo vạch ra chiều hướng cho sự hình thành và phát triển năng lực của con người thông qua mục tiêu giáo dục, đào tạo của gia đình, nhà trường và xã hội. Nói cách khác, mục tiêu của giáo dục, đào tạo có thể quyết định xu hướng phát triển và tác động đến xu hướng phát triển năng lực cá nhân. Giáo dục, đào tạo có thể đem lại những cái mà các yếu tố bẩm sinh, di truyền hay môi trường tự nhiên không đem lại được. Giáo dục, đào tạo có thể phát huy tối đa các mặt mạnh của các yếu tố khác chi phối sự phát triển năng lực con người như tư chất, môi trường sống, điều kiện xã hội...; có thể “uốn nắn” những năng lực và làm cho nó phát triển theo hướng mong muốn của xã hội; v.v.. Nội dung của giáo dục, đào tạo quyết định quy mô và chất lượng hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo mà con người được trang bị, qua đó, hình thành, phát triển phương pháp nhận thức, phương pháp tư duy khoa học, nâng cao trình độ nhận thức, trình độ tư duy, phát triển những năng lực cá nhân trên cơ sở những tư chất bẩm sinh sẵn có. Đồng thời, cũng giúp hình thành, xây dựng và rèn luyện những năng lực mới cho con người thích nghi với những điều kiện, hoàn cảnh mới. Có thể khẳng định, giáo dục, đào tạo là tổ chức hoạt động của cá nhân và xã hội để “phát triển tư chất năng khiếu và cung cấp các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo hình thành năng lực” cho con người.

Năm là, tinh thần tự giáo dục, tự rèn luyện và sự hoạt động của cá nhân trong phát triển năng lực cho chính bản thân mình. Có thể nói, tính tích cực, chủ động của mỗi cá nhân có vai trò quyết định đối với sự phát triển năng lực cá nhân con người. Các yếu tố (yếu tố bẩm sinh tư chất, điều kiện kinh tế - xã hội, môi trường sống, giáo dục, đào tạo, lối sống, tư duy con người truyền thống...) có tác động nhiều hay ít, nhanh hay chậm, tích cực hay tiêu cực đến việc phát triển năng lực cá nhân chính là phụ thuộc vào tính tích cực, chủ động của chủ thể.

2.2. HỘI NHẬP QUỐC TẾ, TÁC ĐỘNG VÀ YÊU CẦU CỦA NÓ ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CÁ NHÂN CON NGƯỜI VIỆT NAM

2.2.1. Hội nhập quốc tế và sự cần thiết phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế

2.2.1.1. Hội nhập quốc tế

Hội nhập quốc tế là quá trình các nước tăng cường các hoạt động gắn kết, hợp tác với nhau dựa trên cơ sở sự chia sẻ về lợi ích, mục tiêu, giá trị, nguồn lực, công nghệ... và tuân thủ các luật chơi chung trong khuôn khổ các định chế hoặc tổ chức quốc tế.

Hiện nay, cùng với quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đang là một xu thế khách quan của mọi quốc gia, diễn ra ngày càng sâu rộng trên nhiều lĩnh vực của đời sống, từ kinh tế, chính trị, văn hóa đến các vấn đề xã hội.

2.2.1.2. Sự cần thiết phải phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế

Một là, phát triển năng lực cá nhân con người trong điều kiện hội nhập quốc tế là đòi hỏi khách quan, dựa trên cơ sở lý luận nhất định. Đó là trên cơ sở hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật: nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và nguyên lý về sự phát triển.

Hai là, sự cần thiết phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế còn xuất phát từ vị trí, vai trò của năng lực con người trong hoạt động thực tiễn.

Ba là, sự cần thiết phải phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế còn xuất phát từ cơ sở thực tiễn của nó. Đó là nhằm phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam đáp ứng được những yêu cầu khách quan của hội nhập quốc tế đang đặt ra.

Bốn là, sự cần thiết phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế cũng còn xuất phát từ thực trạng năng lực cá nhân con người Việt Nam hiện còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được những đòi hỏi của hội nhập quốc tế.

2.2.2. Tác động của hội nhập quốc tế đến phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam

Hội nhập quốc tế có tác động tích cực đến sự phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam. Thứ nhất, hội nhập quốc tế tạo điều kiện cho mỗi cá nhân con người Việt Nam có cơ hội học tập, nâng cao trình độ, kích thích sự tìm tòi, sáng tạo, phát triển năng lực nhận thức. *Thứ hai*, hội nhập quốc tế mở ra cho mỗi cá nhân con người Việt Nam những cơ hội mới và điều kiện thuận lợi cho phát triển năng lực hoạt động thực tiễn.

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, *hội nhập quốc tế cũng tác động tiêu cực đối với sự phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam. Thứ nhất*, hội nhập quốc tế làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo, làm cho một số cá nhân con người Việt Nam yếu thế ít có cơ hội học tập, phát triển năng lực nhận thức. *Thứ hai*, mặt trái của hội nhập quốc tế (làm gia tăng tình trạng thiếu việc làm; thất nghiệp; phá sản; “chảy máu chất xám”; làm gia tăng nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc, các giá trị văn hóa truyền thống có thể bị xói mòn trước sự “xâm lăng” của văn hóa nước ngoài;...) làm cho sự phát triển năng lực hoạt động thực tiễn của một số cá nhân con người Việt Nam gặp trở ngại, không thích nghi và đáp ứng trước những biến đổi nhanh chóng của thực tiễn.

2.2.3. Yêu cầu của hội nhập quốc tế đối với phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam

Có thể khẳng định, phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập cũng chính là việc phải phát triển, nâng cao hơn nữa những năng lực phù hợp, có thể đáp ứng được những đòi hỏi của thực tiễn hội nhập. Tuy nhiên, trong khuôn khổ luận án, tác giả chỉ xin giới hạn xem xét vấn đề phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trên một số năng lực cụ thể nhất định, phù hợp với những yêu cầu của điều kiện hội nhập:

Một là, yêu cầu của điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay đòi hỏi phát triển năng lực nhận thức cho con người Việt Nam là làm gia tăng khả năng hoạt động của trí tuệ con người Việt Nam trên các năng lực: năng lực trí tuệ; phương pháp tư duy; năng lực sáng tạo; năng lực tư duy độc lập; năng lực tiếp nhận và xử lý thông tin; năng lực vận dụng linh hoạt; năng lực tự học, tự đào tạo, tự nghiên cứu để phát triển trí tuệ của bản thân... bảo đảm cho hoạt động của con người đạt chất lượng và hiệu quả cao đáp ứng các yêu cầu của điều kiện hội nhập.

Hai là, yêu cầu của điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay đòi hỏi phát triển năng lực hoạt động thực tiễn cho con người Việt Nam là nâng cao khả năng hoạt động trong công việc của con người Việt Nam, nâng cao khả năng có hành vi thích ứng và tích cực, trên các năng lực như: trình độ chuyên môn; năng lực ứng dụng; năng lực ngoại ngữ; năng lực xử lý công việc mang tính chuyên môn hóa

và công nghệ cao của quá trình hội nhập; có kỹ năng hợp tác, kỹ năng làm việc theo nhóm để tương tác, đàm phán, giải quyết thành công những xung đột trong môi trường làm việc công nghiệp, đa quốc gia, đa ngôn ngữ, đa văn hóa và trình độ chuyên môn kỹ thuật... (còn gọi là phát triển năng lực làm việc). Đồng thời, phát triển các kỹ năng sống; có khả năng ứng phó, xử lý tình huống nhạy bén, linh hoạt để có thể thích ứng tốt với thực tiễn hội nhập; năng lực giao tiếp; năng lực thích ứng; năng lực hợp tác, năng lực hòa nhập cộng đồng đa văn hóa, năng lực tự bảo vệ, năng lực quản lý thời gian... (còn gọi là phát triển năng lực sống). Nhờ đó, giúp cá nhân giải quyết có hiệu quả trước những đòi hỏi và thách thức của cuộc sống hàng ngày, bảo đảm cho công việc của họ đạt chất lượng và hiệu quả cao nhất đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của điều kiện hội nhập.

Chương 3

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CÁ NHÂN CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ THỜI GIAN QUA - THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. THỰC TRẠNG CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CÁ NHÂN CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ THỜI GIAN QUA

3.1.1. Một số thành tựu đạt được trong việc phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế thời gian qua

Thứ nhất, một số thành tựu trong phát triển năng lực nhận thức của con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập gắn với phát triển kinh tế tri thức và cách mạng khoa học - công nghệ.

Ở nước ta, nhận thức rõ vai trò của phát triển năng lực nhận thức của cá nhân con người cũng như vị trí, vai trò của giáo dục - đào tạo trong việc phát triển năng lực nhận thức của cá nhân con người, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra những chủ trương, đường lối, chính sách đúng đắn; giáo dục - đào tạo với những nỗ lực đổi mới về nội dung, chương trình, phương pháp, phát triển hợp tác quốc tế về giáo dục... cho phù hợp với thực tiễn cũng đã đem lại một số kết quả nhất định. Vì vậy, chất lượng giáo dục - một yếu tố quan trọng để phát triển năng lực nhận thức ở các cấp học và trình độ đào tạo có tiến bộ. Nhờ đó, sau hơn 30 năm đổi mới và đặc biệt trong những năm gần đây, sự phát triển năng lực nhận thức của cá nhân con người Việt Nam mà biểu hiện ở các yếu tố như năng lực trí tuệ, trình độ nhận thức, năng lực tư duy, năng lực sáng tạo của cá nhân con người Việt Nam đã có những bước tiến bộ đáng kể. Năng lực nhận thức biểu hiện ở trình độ

tư duy, phương pháp tư duy - kỹ năng thao tác tư duy trong hoạt động thực tiễn của cá nhân con người Việt Nam cũng được phát triển hơn so với thời kỳ trước. Năng lực sáng tạo của nhiều cá nhân con người Việt Nam đang ngày một tiến bộ, được khơi dậy và khuyến khích phát triển trong điều kiện hội nhập.

Thứ hai, một số thành tựu đạt được trong phát triển năng lực hoạt động thực tiễn của cá nhân con người Việt Nam trong môi trường cạnh tranh, chuyên môn hóa, công nghệ cao, đa ngôn ngữ, đa văn hóa của điều kiện hội nhập.

Những năm qua, nhờ sự đổi mới về nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục theo hướng hiện đại, gắn với thực tiễn hơn; sự hợp tác, liên kết chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề..., đã làm cho năng lực làm việc thể hiện ở trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực ứng dụng, năng lực xử lý công việc, năng lực làm việc nhóm, v.v.. của cá nhân con người Việt Nam đã được phát triển hơn so với thời kỳ trước đây, phần nào đáp ứng được những yêu cầu của hội nhập quốc tế.

Trong điều kiện hội nhập quốc tế, cá nhân con người Việt Nam, nhất là một số cá nhân trẻ hiện nay có được lợi thế lớn trong việc dễ dàng tiếp cận, học hỏi những tri thức kinh nghiệm, những phương pháp giáo dục hiện đại trên thế giới (thông qua giáo dục nhà trường, qua học hỏi trên Internet...). Một số cá nhân trẻ, nhất là những cá nhân trẻ ở thành phố lớn đã được giáo dục những kỹ năng sống, kỹ năng mềm như kỹ năng hợp tác, giao tiếp, ứng xử,... Một bộ phận cá nhân nỗ lực vươn lên tự nâng cao năng lực sống cho mình bằng những nỗ lực tự học hỏi, tự rèn luyện thông qua chính quá trình hoạt động thực tiễn của bản thân trong môi trường hội nhập, cạnh tranh, chuyên môn hóa, công nghệ cao, đa văn hóa. Nhờ đó, năng lực sống của cá nhân con người Việt Nam biểu hiện ở khả năng thích ứng, hòa nhập, khả năng thể hiện tính chủ thể, bản lĩnh... đã có nhiều biến đổi theo hướng tích cực, chủ động cho phù hợp với thực tiễn.

3.1.2. Một số hạn chế của việc phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế thời gian qua

Thứ nhất, sự phát triển năng lực nhận thức của cá nhân con người Việt Nam còn những bất cập nhất định, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao và nhanh thay đổi của hội nhập quốc tế.

Tuy đã có rất nhiều nỗ lực trong việc đổi mới, song, công tác giáo dục - đào tạo của chúng ta còn nhiều hạn chế làm ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng giáo dục, trong đó có giáo dục năng lực cho cá nhân con người Việt Nam. Vì vậy, những năm qua, trí tuệ con người Việt Nam đã có bước phát triển, song không đều ở mọi cá nhân và chất lượng chưa cao; việc nâng cao trình độ học vấn đôi khi còn chưa đảm bảo chất lượng. Năng lực nhận thức biểu hiện ở trình độ

dân trí, trình độ tri thức, nhận thức, năng lực trí tuệ, trình độ tư duy, năng lực sáng tạo, năng lực tiếp nhận và xử lý thông tin của cá nhân con người Việt Nam đã được nâng lên một bước nhưng vẫn còn thấp so với yêu cầu của điều kiện hội nhập, đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết.

Thứ hai, sự phát triển năng lực hoạt động thực tiễn của cá nhân con người Việt Nam còn nhiều bất cập trong môi trường cạnh tranh, đa văn hóa, đa ngôn ngữ, chuyên môn hóa và công nghệ cao.

Bên cạnh những hạn chế trong công tác giáo dục - đào tạo, nhất là ở đào tạo đại học và đào tạo nghề, thì một số các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước chưa thực sự tạo ra động lực để thúc đẩy người lao động vươn lên trong học tập và rèn luyện, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và nâng cao chất lượng công việc. Điều đó làm cho những năm qua, ở nước ta, tuy số người có năng lực làm việc biểu hiện ở trình độ chuyên môn, tay nghề ngày một tăng lên nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Năng lực ứng dụng, năng lực xử lý công việc còn chậm, tính chủ động tích cực trong công việc chưa cao, chưa phù hợp với môi trường làm việc cạnh tranh, đa ngôn ngữ, chuyên môn hóa và công nghệ cao hiện nay.

Đồng thời, việc giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, nhà trường vẫn chưa được coi trọng đúng mức, chủ yếu mới chỉ được lồng ghép với các môn học khác, hoặc thông qua các hoạt động ngoại khóa chứ ít được coi là một môn học độc lập. Sự quản lý Nhà nước về tư tưởng - văn hóa trên các phương tiện truyền thông (nhất là mạng Internet) còn lỏng lẻo... Vì thế, bên cạnh việc thiếu các kỹ năng mềm trong công việc thì không ít người Việt Nam (đặc biệt là các cá nhân trẻ) vẫn thiếu các kỹ năng mềm trong cuộc sống, như khả năng hợp tác, tương tác, giao tiếp, năng lực thích ứng, hòa nhập, năng lực tự bảo vệ,...

Những hạn chế nêu trên do rất nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. *Một là*, giáo dục - đào tạo ở Việt Nam hiện nay còn nhiều bất cập, chất lượng giáo dục, đào tạo nhìn chung còn thấp so với yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ mới và so với trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. *Hai là*, các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước chưa thực sự tạo ra động lực để thúc đẩy mỗi cá nhân con người Việt Nam tự vươn lên trong học tập và rèn luyện, nâng cao năng lực cá nhân của mình. *Ba là*, công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng người lao động vẫn còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với điều kiện thực tế, nên chưa chọn và sử dụng được nhiều người có năng lực thực sự. *Bốn là*, môi trường kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, môi trường làm việc... nơi con

người sống và làm việc làm tiền đề để cá nhân con người Việt Nam phát triển năng lực thì vẫn còn nhiều hạn chế và tiêu cực, chưa đáp ứng được yêu cầu. *Năm là*, sự tự ý thức, tự nhận thức về vai trò, ý nghĩa của việc tự nỗ lực, tự học tập, rèn luyện trong phát triển năng lực của một bộ phận cá nhân người Việt Nam còn chưa cao.

3.2. VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CÁ NHÂN CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ THỜI GIAN QUA

3.2.1. Mâu thuẫn giữa yêu cầu ngày càng cao của điều kiện hội nhập quốc tế về phát triển năng lực cá nhân con người với thực tiễn phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam còn nhiều hạn chế

Một là, cách mạng khoa học - công nghệ, kinh tế tri thức ngày càng đòi hỏi cao đối với sự phát triển của năng lực nhận thức của cá nhân mỗi con người với thực tế phát triển năng lực tư duy độc lập, chủ động, tích cực; năng lực nhận thức; năng lực sáng tạo... của cá nhân mỗi con người Việt Nam còn hạn chế.

Hai là, môi trường làm việc cạnh tranh, đa ngôn ngữ, chuyên môn hóa và công nghệ cao đòi hỏi yêu cầu cao đối với sự phát triển của năng lực hoạt động thực tiễn của cá nhân con người Việt Nam mà cụ thể là năng lực làm việc với năng lực chuyên môn cao, năng lực xử lý công việc chủ động, tích cực... với thực tế các năng lực này của cá nhân con người Việt Nam còn hạn chế.

Ba là, hội nhập quốc tế với những biến đổi khó lường của điều kiện hội nhập, mở cửa cùng những biến đổi nhanh chóng của điều kiện kinh tế, văn hóa - xã hội, của môi trường sống, môi trường khí hậu và môi trường đa văn hóa đặt ra yêu cầu cao đối với sự phát triển năng lực sống của cá nhân con người Việt Nam trước nhưng thực tế phát triển năng lực thích ứng, ứng phó còn chậm; năng lực hòa nhập, tiếp biến, chọn lọc... của cá nhân con người Việt Nam còn bất cập.

3.2.2. Mâu thuẫn giữa yêu cầu phải tạo lập môi trường thuận lợi cho việc phát triển năng lực cá nhân con người với thực tế môi trường này còn bất cập, gây trở lực cho sự phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam

Một là, mâu thuẫn giữa yêu cầu cần thiết phải tạo lập những tiền đề vật chất, môi trường kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phát triển làm nền tảng cho việc phát triển năng lực nhận thức với thực tế những điều kiện, tiền đề này ở Việt Nam còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

Hai là, mâu thuẫn giữa yêu cầu phải xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, lành mạnh, dân chủ, công bằng làm động lực thúc đẩy sự phát triển năng lực làm việc cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế với thực tế xây dựng môi trường này còn nhiều yếu kém.

Ba là, mâu thuẫn giữa yêu cầu phải xây dựng môi trường văn hóa, xã hội, chính trị ổn định, lành mạnh làm điều kiện cho sự phát triển năng lực sống cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế với thực tế vấn đề này còn nhiều bất cập.

3.2.3. Mâu thuẫn giữa đòi hỏi phải có hệ thống chính sách đào tạo, tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nguồn nhân lực đồng bộ theo hướng thúc đẩy phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế với thực tế hệ thống chính sách này còn thiếu, không đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu

Ngày nay, khi mà hội nhập quốc tế đòi hỏi chính sách đào tạo, tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ phải là những yếu tố cơ bản, là động lực để phát triển và hoàn thiện các năng lực cá nhân con người, đặc biệt là các năng lực phù hợp và đáp ứng được các yêu cầu ngày càng khắt khe của thời kỳ hội nhập, thì ở nước ta các hệ thống chính sách này còn chưa phù hợp, chưa phát huy được vai trò của mình trong phát triển năng lực cá nhân con người. Hội nhập quốc tế đòi hỏi các chính sách này phải được xây dựng đồng bộ, thống nhất, gắn kết giữa các khâu đào tạo, tuyển dụng, sử dụng (bố trí, đề bạt, bổ nhiệm), đãi ngộ... theo hướng thúc đẩy phát triển năng lực cá nhân con người; dựa trên xu hướng, nhu cầu phát triển của nền kinh tế Việt Nam, đúng địa chỉ sử dụng và tiếp cận cách làm hay của thế giới, thì ở nước ta, các chính sách này còn chưa làm được điều đó. Thậm chí nhiều chính sách còn bất cập làm kìm hãm sự phát triển năng lực cá nhân con người. Như vậy, giữa yêu cầu của thời kỳ hội nhập và hệ thống chính sách này còn có khoảng trống nên việc phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam chưa như mong muốn.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CÁ NHÂN CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY

4.1. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CÁ NHÂN CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY

4.1.1. Phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam phải phù hợp yêu cầu thực tiễn

Hiện nay, vấn đề phát triển năng lực cá nhân con người theo nhu cầu thực tiễn xã hội là xu hướng tất yếu trong giáo dục, đào tạo trên toàn thế giới. Ở nước ta, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã sớm xem đây là một chủ trương lớn và lâu dài nhằm thực hiện thắng lợi các chủ trương, nghị quyết của Chính phủ về đổi mới

căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo mà cụ thể là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam. Phát triển năng lực cá nhân con người theo yêu cầu của thực tiễn xã hội đòi hỏi các nhà trường phải đào tạo đúng các năng lực mà xã hội có nhu cầu cũng như hội nhập quốc tế yêu cầu. Hiện nay, việc gắn phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam với nhu cầu xã hội cần theo hai hướng chính. Đó là phát triển năng lực cá nhân theo nhu cầu hiện tại và nhu cầu tương lai của xã hội, của thị trường trong điều kiện hội nhập quốc tế. Trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay, việc phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam gắn với yêu cầu của thực tiễn xã hội cũng có nghĩa là việc giáo dục, đào tạo, phát triển năng lực cho con người Việt Nam phải tiệm cận dần tới chuẩn năng lực chung của khu vực và thế giới.

4.1.2. Phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam phải gắn với sự phát triển con người một cách bền vững và toàn diện

Phát triển con người một cách bền vững là việc phát triển dài hạn, cho hôm nay và cho mai sau không chỉ những năng lực cơ bản của con người, mà còn phát triển những năng lực mới phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, mà cụ thể là yêu cầu của hội nhập quốc tế. Đó là việc phát triển những năng lực hiện tại không những không làm ảnh hưởng tới mai sau, mà còn phải là nền tảng, là bước đệm để phát triển năng lực con người Việt Nam trong tương lai. Như vậy, có thể khẳng định, phát triển toàn diện các năng lực cá nhân con người chính là điều kiện đảm bảo chắc chắn nhất, lâu dài nhất cho sự phát triển con người một cách bền vững và phát triển bền vững đất nước.

4.1.3. Kết hợp giữa giáo dục và tự giáo dục, “biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo” trong phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế

Có thể khẳng định, vai trò to lớn, quan trọng của giáo dục, đào tạo đối với sự phát triển năng lực cá nhân con người. Tuy nhiên, trong thời đại hiện nay, khi mà cuộc cách mạng khoa học, công nghệ thông tin phát triển như vũ bão, hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng thì nhà trường dù tốt đến mấy cũng không thể cung cấp hết được những lượng tri thức ngày một phong phú của nhân loại và không thể đáp ứng hết nhu cầu học tập của người học cũng như đòi hỏi ngày càng cao của đời sống xã hội. Vì vậy, việc gắn giáo dục với tự giáo dục, tự học, bồi dưỡng năng lực tự học, tự giáo dục cho mỗi người là một vấn đề quan trọng trong các nhà trường nói chung. Chỉ có tự học, tự giáo dục, tự đào tạo con người mới có thể tự bồi đắp tri thức bằng nhiều con đường, nhiều cách thức khác nhau, bù đắp được những thiếu hụt, khiếm khuyết về tri thức khoa học, tri thức về đời sống xã hội, những năng lực cần cho công việc chuyên môn và đời sống thực tiễn...

4.2. MỘT SỐ NHÓM GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CÁ NHÂN CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY

4.2.1. Tạo lập những điều kiện, môi trường thuận lợi cho việc phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế hiện nay

Thứ nhất, tạo lập những tiền đề vật chất, môi trường kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ, môi trường giáo dục lành mạnh làm nền tảng cho việc phát triển năng lực nhận thức của cá nhân con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế hiện nay.

Thứ hai, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, lành mạnh, dân chủ, công bằng làm động lực thúc đẩy sự phát triển năng lực làm việc cho cá nhân con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế hiện nay.

Thứ ba, xây dựng môi trường văn hóa, xã hội, chính trị ổn định, lành mạnh làm điều kiện cho sự phát triển năng lực sống cho cá nhân con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế hiện nay.

4.2.2. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế hiện nay

Thứ nhất, đổi mới toàn diện và đồng bộ giáo dục, đào tạo ở tất cả các bậc học nhằm phát triển năng lực nhận thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế hiện nay.

Thứ hai, đổi mới giáo dục bậc cao, giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao năng lực năng lực làm việc cho cá nhân con người Việt Nam trong môi trường cạnh tranh, đa ngôn ngữ, chuyên môn hóa và công nghệ cao.

Thứ ba, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, lối sống, chú trọng việc phát triển các kỹ năng sống, kỹ năng mềm trong cuộc sống nhằm phát triển năng lực sống cho cá nhân con người trong điều kiện hội nhập, mở cửa và môi trường đa văn hóa.

4.2.3. Hoàn thiện các chủ trương, chính sách tuyên dụng, sử dụng và đãi ngộ nguồn nhân lực nhằm kích thích phát triển năng lực cá nhân con người đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế

Thứ nhất, có cơ chế, chính sách phù hợp trong tuyển dụng, đánh giá, bố trí và sử dụng con người.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới và hoàn thiện chính sách thu hút, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài nhằm phát huy và kích thích sự phát triển năng lực cá nhân con người đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

4.2.4. Phát huy tính tích cực, chủ động, nỗ lực của mỗi cá nhân trong phát triển năng lực cá nhân của bản thân

Để phát triển năng lực của bản thân, con người không chỉ tiếp nhận những tác động từ bên ngoài, mà vấn đề quan trọng đó chính là sự phát huy tính tích cực tự giác của chính mình trong việc phát triển năng lực cá nhân một cách toàn diện. Mỗi cá nhân con người cần tự ý thức về việc tự học, tự trau dồi kiến thức, trình độ của bản thân. Xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu, dành thời gian bổ sung, cập nhật kiến thức, không ngừng làm giàu trí tuệ bản thân. Chuyển quá trình “đào tạo” sang quá trình “tự đào tạo”, nhằm kích thích, phát huy tính chủ động tích cực, thúc đẩy sự phát triển của tư duy, trí tuệ và khai thác khả năng sáng tạo của người học, giúp họ hình thành năng lực và phương pháp tư duy khoa học. Xây dựng, phương pháp, năng lực tự học, tự nghiên cứu một cách hiệu quả trên cơ sở phát huy cách học tự tìm tòi, tự nghiên cứu, chú trọng sự phát triển óc tư duy, vận dụng những điều đã học vào thực tế cuộc sống; phê phán lối học nhồi nhét sẽ làm người học thui chột năng lực tự học...

KẾT LUẬN

Ngày nay, hội nhập quốc tế đã trở thành xu thế tất yếu khách quan trên toàn thế giới, cũng như ở Việt Nam. Quá trình này đã và đang đã có những tác động không nhỏ tới mọi mặt của đời sống xã hội. Một mặt, hội nhập quốc tế đem lại nhiều thời cơ, vận hội mới cho sự phát triển, mặt khác, cũng đặt ra những khó khăn, thách thức vô cùng lớn, đòi hỏi con người - với tư cách là nguồn lực quan trọng nhất của mọi nguồn lực phải có sự nỗ lực, phát triển không ngừng, nhất là phát triển những năng lực cá nhân mình mới có thể đáp ứng được. Phát triển năng lực cá nhân con người trong điều kiện hội nhập quốc tế là một sự cần thiết khách quan mà không một quốc gia, một dân tộc nào có thể né tránh.

Những năm qua, ở Việt Nam, nhờ triển khai, vận dụng đúng đắn những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, chúng ta đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc phát triển năng lực cá nhân con người. Bên cạnh việc phát triển những năng lực bản chất cơ bản của con người, nhiều loại năng lực mới đã được hình thành và phát triển cho phù hợp với thực tiễn, phần nào đáp ứng được những yêu cầu đặt ra ngày càng cao của thời kỳ hội nhập. Tuy nhiên, trước những biến chuyển vô cùng nhanh chóng và mạnh mẽ của điều kiện hội nhập quốc tế, chúng ta vẫn không tránh khỏi những hạn chế,

bất cập trong quá trình phát triển. Nhìn chung, năng lực của con người Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế, chưa có sự phát triển ngang tầm với các nước trong khu vực và trên thế giới. Từ đó, đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi phải được nhận thức, nhiều mâu thuẫn nảy sinh cần được giải quyết nhằm phát triển hơn nữa năng lực cá nhân con người Việt Nam nhằm đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của hội nhập quốc tế. Đó là: Mâu thuẫn giữa yêu cầu ngày càng cao của điều kiện hội nhập quốc tế về phát triển năng lực cá nhân con người với thực tiễn phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam còn nhiều hạn chế; Mâu thuẫn giữa yêu cầu cần phải tạo lập môi trường thuận lợi cho việc phát triển năng lực cá nhân con người với thực tế môi trường này còn bất cập, gây trở lực cho sự phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam; Mâu thuẫn giữa đòi hỏi phải có hệ thống chính sách đào tạo, tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nguồn nhân lực đồng bộ theo hướng thúc đẩy phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế với thực tế hệ thống chính sách này còn thiếu, không đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu.

Trên cơ sở thực trạng và những vấn đề đặt ra trong phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế những năm qua, để phát triển và “phát huy tối đa” năng lực cá nhân con người đáp ứng ngày càng tốt hơn những yêu cầu, đòi hỏi của điều kiện hội nhập quốc tế cần phải quán triệt tốt một số quan điểm cơ bản sau: *Thứ nhất*, phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam phải phù hợp yêu cầu thực tiễn. *Thứ hai*, phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam phải gắn với sự phát triển con người một cách bền vững và toàn diện. *Thứ ba*, kết hợp giữa giáo dục và tự giáo dục, “biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo” trong phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Đồng thời, tập trung thực hiện một cách đồng bộ các giải pháp cơ bản: *Một là*, tạo lập những điều kiện, môi trường làm cơ sở cho việc phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế. *Hai là*, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học đáp ứng yêu cầu của thời kỳ hội nhập. *Ba là*, hoàn thiện các chủ trương, chính sách tuyển dụng, sử dụng và đãi ngộ nguồn nhân lực nhằm kích thích phát triển năng lực cá nhân con người đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế. *Bốn là*, phát huy tính tích cực, chủ động, nỗ lực của mỗi cá nhân trong phát triển năng lực cá nhân của bản thân. Những giải pháp này phải được tổ chức thực hiện đồng bộ mới mang lại hiệu quả thiết thực.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Ngô Thị Nụ (Chủ nhiệm) (2014), *Xây dựng nhân cách con người Việt Nam hiện nay - Vấn đề và giải pháp*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
2. Ngô Thị Nụ (2014), “Xây dựng nhân cách con người Việt Nam - Một số vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Mặt trận*, (133).
3. Ngô Thị Nụ (2016), “Phát triển con người Việt Nam hiện nay từ góc độ phát triển năng lực trí tuệ”, *Tạp chí Thông tin Lý luận chính trị*, (2).
4. Ngô Thị Nụ (2016), “Phát triển năng lực trí tuệ con người - một số vấn đề lý luận”, *Tạp chí Giáo dục và xã hội*, (2).
5. Ngô Thị Nụ (2016), “Phát triển năng lực trí tuệ con người Việt Nam trong hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (3).
6. Ngô Thị Nụ (2016), “Một số vấn đề đặt ra trong việc xây dựng nhân cách con người Việt Nam hiện nay”, trong Trần Văn Phòng và Nguyễn Thị Nga, đồng chủ biên, *Triết học chính trị - con người một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Lý luận chính trị.
7. Ngô Thị Nụ (2016), “Quan điểm của Đại hội XII về xây dựng con người phát triển toàn diện”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (8).
8. Ngô Thị Nụ (2016), “Vấn đề năng lực và phát triển năng lực cho đội ngũ cán bộ, đảng viên ở nước ta hiện nay theo tinh thần Đại hội XII”, *Tạp chí Nghiên cứu con người*, (86).
9. Ngô Thị Nụ (2017), “Phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, (256).
10. Ngô Thị Nụ (2017), “Phát triển năng lực cá nhân con người Việt Nam trong hội nhập quốc tế hiện nay - Một số yêu cầu và vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Giáo dục và xã hội*, (133).